

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi GCNQSD đất (cũ), cấp đổi GCNQSD đất,
quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Xí nghiệp Chế biến
Xuất nhập khẩu điều và Nông sản Thực phẩm Bình Phước.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 624/TTr-STNMT ngày 25/10/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi GCNQSD đất số phát hành BB 110336 do UBND tỉnh cấp cho Xí nghiệp Chế biến Xuất nhập khẩu điều và Nông sản Thực phẩm Bình Phước ngày 04/10/2010, cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với diện tích: 49.556,4 m² (Bốn mươi chín nghìn năm trăm năm mươi sáu phẩy bốn mét vuông) cho Xí nghiệp Chế biến Xuất nhập khẩu điều và Nông sản Thực phẩm Bình Phước.

Lý do thu hồi: trên GCNQSD đất số phát hành BB 110336 đã cấp thiếu tài sản gắn liền với đất.

2. Thay đổi biểu chi tiết về danh mục tài sản gắn liền với đất của Xí nghiệp Chế biến Xuất nhập khẩu điều và Nông sản Thực phẩm Bình Phước kèm theo Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước bằng biểu chi tiết kèm theo Quyết định này (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước không thay đổi.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế; Chủ tịch

UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Thành Tâm, Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Xuất nhập khẩu điều và Nông sản Thực phẩm Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV: P. SX (405);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Danh



**DANH MỤC TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU CHO XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
ĐIỀU VÀ NÔNG SẢN THỰC PHẨM BÌNH PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 28/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành XD
1	Nhà điều hành sản xuất	334,3	334,3	Tường xây gạch; mái tole; nền lát gạch ceramic.	IV	01	-/-
2	Xưởng bóc vỏ lụa	1.783,3	1.783,3	Cột, vì kèo, xà gồ bằng thép; tường xây gạch; mái tole; nền bê tông.	III	01	-/-
3	Nhà kho	119,7	119,7	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền xi măng.	IV	01	-/-
4	Phân xưởng sấy	242,4	242,4	Cột bê tông; vì kèo, xà gồ bằng thép; mái lợp tole; nền bê tông.	IV	01	-/-
5	Nhà y tế - phòng họp	86,7	86,7	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền lát gạch ceramic.	IV	01	-/-
6	Nhà xưởng cắt hạt	831,3	831,3	Cột bê tông; vì kèo, xà gồ bằng thép; mái lợp tole; nền bê tông.	IV	01	-/-
7	Nhà xưởng xử lý	443,1	443,1	Cột bê tông; vì kèo, xà gồ bằng thép; mái lợp tole; nền bê tông.	IV	01	-/-
8	Kho nguyên liệu 1	1.440,0	1.440,0	Cột ; vì kèo, xà gồ bằng thép; tường xây gạch; mái tole; nền bê tông.	III	01	-/-
9	Kho nguyên liệu 2	2.568,8	2.568,8	Cột ; vì kèo, xà gồ bằng thép; tường xây gạch; mái tole; nền bê tông.	III	01	-/-
10	Nhà ăn	352,5	352,5	Cột ; vì kèo, xà gồ bằng thép; tường xây gạch; mái tole; nền xi măng.	IV	01	-/-



11	Nhà ở công nhân (04 nhà)	858,0	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền gạch tàu.	IV	01	-/-
12	Nhà bảo vệ (02 nhà)	33,3	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền ceramic.	IV	01	-/-
13	Nhà xe	216,0	Cột ; vì kèo, xà gỗ bằng thép; tường xây gạch; mái tole; nền bê tông.	IV	01	-/-
	Tổng	9.309,4	9.359,4			